

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/DS-ST.

Ngày: 24-9-2021

V/v tranh chấp bồi thường
thiệt hại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Nghĩa

Ông Bùi Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp về bồi thường thiệt hại tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2021/QĐXXST – DS ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ R, sinh năm 1975 (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê T, sinh năm 1974 (Có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ O, sinh năm 1949 (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ O: Ông Võ R, sinh năm 1975, theo văn bản ủy quyền lập ngày 15/01/2021.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ *Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ R trình bày:*

Ông Võ O là cha ruột của ông có cho vợ chồng ông phần đất ruộng thuộc thửa đất số 52, đất tọa lạc tại khóm A, phường Y, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng canh

tác lúa đã gần 30 năm nay, hiện nay cha ông vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đầu tháng 11/2019 âm lịch ông có sạ lúa trên phần đất này. Vào lúc 18 giờ 30 phút ngày 26/12/2019 dương lịch ông Lê T đã xịt thuốc cỏ vào ruộng lúa của ông, bị ông phát hiện, ông đi ra ruộng kêu ông T dừng lại không được xịt thuốc cỏ vào ruộng ông nữa nhưng ông T vẫn tiếp tục xịt nên ông có kêu vợ ông và chị ruột ông là bà Võ T1 ra xem và ông báo với Công an Phường Y, thị xã N để xuống hiện trường thì lúc đó ông T mới ngừng xịt thuốc cỏ vào ruộng của ông. Ông T đã xịt thuốc cỏ vào ruộng lúa làm chết khoảng 600m² phần ruộng lúa của ông đang canh tác, do đất lung nên ông sạ giống, bón phân, xịt thuốc, bơm nước và các chi phí khác đều đầu tư nhiều hơn đất bình thường. Tại phiên tòa hôm nay, ông yêu cầu ông Lê T phải bồi thường cho ông chi phí sản xuất ông đã bỏ ra trên diện tích lúa bị chết 600m² số tiền tổng cộng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Cụ thể các khoản yêu cầu ông T phải bồi thường gồm tiền giống lúa giống OM18 là 15 ký, mỗi ký 15.000đ, tiền giống là 225.000 đồng; ông đã bón 25 ký phân loại 25-25-5, tiền phân 400.000 đồng; tiền trang xới 100.000 đồng (xới mỗi công 200.000đ), tiền xịt thuốc 06 lần tổng cộng 800.000 đồng (xịt thuốc sâu, xịt bệnh, xịt dưỡng, mầm...); tiền bơm nước 40.000 đồng, tiền công chăm sóc 400.000đ, tiền ông mướn dăm lúa 100.000 đồng.

2/ Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Lê T trình bày:

Ông thừa nhận ngày 26/12/2019 dương lịch ông có dùng thuốc cỏ khai hoang nhưng ông không nhớ hiệu thuốc cỏ xịt vào phần ruộng lúa do ông Võ R đang canh tác bởi vì phần đất này là của cha ông tên Lê S đã chết để lại cho anh em của ông, đất bị ông R lấn chiếm nhiều năm. Ông cũng có yêu cầu tổ hòa giải khóm T, phường Y hòa giải việc lấn chiếm đất nhưng bên ông R và ông O không đến tham dự, còn lên Ủy ban nhân dân phường Y, thị xã N yêu cầu giải quyết thì cán bộ nói đất công không giải quyết nhưng không có trả lời văn bản cho ông, ông R chiếm đất của ông nên ông mới xịt thuốc cỏ vào phần lúa mà ông R đã lấn chiếm, diện tích lấn chiếm khoảng 500-600m² nhưng ông chỉ xịt thuốc cỏ vào diện tích làm chết lúa khoảng 200m², ông chỉ xịt diện tích dài khoảng 5-6m, ngang khoảng 7-8 tầm (tầm 3m) chứ không đến diện tích như ông Rõ trình bày. Công an phường Y, thị xã N cũng có lập biên bản về sự việc này, khi sự việc xảy ra thì công an Phường Y, thị xã N có thu giữ bình xịt thuốc của ông nhưng sau đó đã trả lại. Vụ lúa này ông cũng sạ giống lúa OM18, mỗi công tầm cấy sạ 20 ký giống, mỗi ký giống giá 12.000đ-13.000 đồng; mỗi công đất xịt thuốc 02 bình, mỗi bình thuốc trung bình có giá từ 50.000đ-60.000đ; mướn xịt mỗi bình thuốc là 15.000 đồng. Thời điểm ông xịt thuốc cỏ vào đất của ông R thì lúa chỉ mới dăm xong, khoảng 30-35 ngày tuổi. Tại phiên tòa, ông T không đồng ý bồi thường cho thiệt hại do lúa chết bởi vì ông R đã canh tác lúa trên phần đất lấn chiếm của gia đình ông.

3/ Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự đều chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn ông Lê T bồi thường thiệt hại đối với việc ông T đã dùng thuốc cỏ xịt vào ruộng lúa ông R đang canh tác, hậu quả làm chết lúa của ông R, đề nghị buộc ông Lê T bồi thường cho ông Võ R số tiền bị thiệt hại là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện; đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ kiện. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Võ R yêu cầu ông Lê T bồi thường cho ông các chi phí đã canh tác lúa trên phần diện tích lúa bị chết khoảng 600m² do ông T đã xịt thuốc cỏ vào ruộng lúa của ông, tổng yêu cầu bồi thường là 2.000.000 đồng. Bị đơn ông T thừa nhận có xịt thuốc cỏ khai hoang vào ruộng lúa của ông R đang canh tác diện tích khoảng 200m² nhưng không đồng ý bồi thường vì cho rằng phần đất mà ông R canh tác lúa là phần đất của cha ông để lại bị ông R lấn chiếm. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] *Thứ nhất:* Ông T thừa nhận ngày 26/12/2019 có dùng thuốc cỏ khai hoang xịt vào ruộng lúa do ông R đang canh tác, ông T đưa ra lý do là ông R lấn chiếm đất của gia đình ông nên ông mới xịt thuốc cỏ. Hội đồng xét xử nhận thấy ông T căn cứ vào Quyết định của Chủ tịch UBND huyện TT số 109/QĐ.HC.96 ngày 06/7/1996 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 109) v/v giải quyết ruộng đất giữa ông Võ O và ông Lê S cùng ngụ ấp C, xã T thu hồi diện tích đất lung 470m² ghi chú diện tích này không cấy lúa được, chỉ để khai thác cá tự nhiên, có chiều ngang 5m và dài 94m, tọa lạc ấp C, hiện ông Võ O đang sử dụng giao lại cho ông Lê S. Ông T cho rằng ông R đã lấn chiếm phần đất này của cha ông T. Nhận thấy, theo Quyết định 109 nêu trên thì UBND huyện TT có quyết định thu hồi đất của ông O và giao lại cho ông S quản lý sử dụng diện tích 470m² nhưng không nêu rõ phần đất này thuộc thửa đất số mấy. Quá trình sử dụng đất về sau này nếu như ông R là con của ông O tự ý lấn chiếm đất của cha ông T để lại thì ông T có quyền yêu cầu đến chính quyền địa phương tiến hành hòa giải cơ sở theo quy định tại các Điều 202, 203 của Luật đất đai năm 2013 và nếu hòa giải không thành có thể yêu cầu lên cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết nhưng phía ông T trình bày đã yêu cầu đến tổ hòa giải ấp/khóm nhưng không hòa giải được, có yêu cầu đến Ủy ban nhân dân Phường Y, thị xã N xem xét giải quyết tiếp tục nhưng chỉ trả lời miệng là không giải quyết do đất công, rồi sau đó về

địa phương tự ý xịt thuốc có khai hoang làm chết lúa gây thiệt hại cho ông R. Việc ông T thừa nhận có xịt thuốc cỏ loại thuốc khai hoang vào ruộng lúa của ông R đang canh tác, hậu quả làm chết lúa của ông R là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 584 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại: “1. Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.”. Ông T gây ra thiệt hại cho ông R thì ông T phải có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông R đối với hành vi của mình gây ra. Nhưng cần xét đến các chi phí đầu tư cũng như diện tích bị thiệt hại để tính chi phí bồi thường thiệt hại phù hợp với thực tế bị thiệt hại.

[1.2] *Thứ hai:* Về diện tích bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn ông R yêu cầu bồi thường trên diện tích 600m² nhưng ông R lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho diện tích đã bị thiệt hại mặc dù Tòa án có nhiều lần yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh. Còn bị đơn ông T cho rằng ông chỉ làm lúa ông R chết khoảng 200m² nhưng đó cũng là lời dự đoán của ông T qua tầm nhìn ước lượng của ông T khi ông T nhìn thấy lúa của ông R bị chết. Hội đồng xét xử nhận thấy, khi sự việc ông T xịt thuốc cỏ của ông R ban đầu có cơ quan chức năng, cụ thể là công an Phường Y, thị xã N đã mời các đương sự đến công an Phường Y để cho lời khai. Căn cứ vào giấy tờ, tài liệu được thu thập từ hồ sơ vụ việc do công an Phường Y, thị xã N cung cấp thì các lời khai của ông T thừa nhận có xịt thuốc ngang 4 tầm (tầm 3m, tức là 12m) và dài 08 tầm (tầm 3m, tức là 12m). Ngoài tài liệu này thì không còn tài liệu nào xác định diện tích thực tế phần lúa bị chết. Tuy nhiên, khi xịt thuốc cỏ khai hoang vào lúa, mặc dù ông T trình bày không nhớ hiệu thuốc cỏ là gì để xem xét độ lan của thuốc xác định phần lúa chết, nhưng để đảm bảo quyền lợi của ông R là người bị thiệt hại thì Hội đồng xét xử quyết định phần đất bị lan ra ảnh hưởng đến lúa có khả năng chết hoặc bị éo ọt, không phát triển hoặc bị hạt lem lép hạt khi chín chiều ngang thêm 01m và chiều dài thêm 01 m. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định diện tích lúa bị thiệt là ngang 13m, dài 25m, diện tích bị thiệt hại là 13m x 25m = 325m².

[1.3] *Thứ ba,* Ông T gây ra thiệt hại cho ông R thì ông T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại các khoản chi phí hợp lý theo quy định tại Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể ông T phải bồi thường cho ông R các chi phí sản xuất, đầu tư, canh tác lúa theo như ông R trình bày. Trong các khoảng chi phí ông R trình bày có 01 khoảng chi phí về tiền xịt thuốc cỏ 06 lần tổng cộng 800.000 đồng nhưng ông R không đưa ra chứng cứ chứng minh số tiền bị thiệt hại đối với 06 lần xịt thuốc lên đến 800.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy tại tờ tường trình của ông R lập ngày 18/01/2021 thì ông R nêu cụ thể 06 lần xịt thuốc từng loại thuốc gì và số tiền 06 lần xịt thuốc này tổng cộng chỉ có 188.000 đồng, đây là tờ tự tường trình của ông R về tiền xịt thuốc 06 lần nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tờ tự tường trình này của ông R để chấp nhận tiền thuốc mà ông R đã bỏ ra chi phí xịt thuốc vào lúa là 188.000 đồng. Tổng chi phí

ông T phải bồi thường cho ông R theo diện tích mà ông R nêu là 600m² cụ thể gồm tiền giống là 15 ký x 15.000đ = 225.000 đồng; tiền phân bón 400.000 đồng; tiền xịt thuốc 06 lần 188.000 đồng; tiền bơm nước 40.000 đồng; tiền trang xới đất 100.000 đồng; tiền dặm lúa 100.000 đồng; tiền công chăm sóc 400.000 đồng. Tổng cộng chi phí là 1.453.000 đồng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử đã xác định diện tích thực tế lúa bị chết để bồi thường tại mục [1.2] là 325m² nên cần tính lại chi phí buộc bồi thường như sau: $(325m^2 \times 1.453.000đ)/600m^2 = 787.000đ$ (làm tròn). Cho nên việc ông Võ R yêu cầu ông Lê T bồi thường thiệt hại tổng chi phí là 2.000.000 đồng thì Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông R về việc buộc ông T bồi thường thiệt hại do làm lúa chết.

[2] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là có cơ sở một phần theo những phân tích tại mục [1] nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Võ R phải chịu án phí có giá ngạch đối với một phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Lê T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ R về việc yêu cầu ông Lê T bồi thường thiệt hại về tài sản.

Buộc ông Lê T bồi thường thiệt hại cho ông Võ R số tiền 787.000 đồng (*Bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi ông Võ R yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lê T còn phải trả lãi cho ông Võ R theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Võ R về việc yêu cầu ông Lê T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 1.213.000 đồng (*Một triệu hai trăm mười ba nghìn đồng*).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ R phải chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Võ R đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003476 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Lê T phải chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng